TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ – TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST
Ngày: 19.6.2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lan Anh
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Hồng
Ông Phạm Thuận
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Cán bộ TAND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Ngày 19.6.2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" thụ lý số: 05/2024/TLST-KDTM, ngày 08 tháng 03 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2024/QĐXXST–KDTM ngày 06.5.2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 05/2024/QĐST–KDTM ngày 22.5.2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH T1**; địa chỉ trụ sở: Số I đường T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Quốc T, chức vụ: Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Minh H, chức vụ: Cửa hàng trưởng C1 (Theo giấy ủy quyền ngày 22/02/2024). Có mặt

* *Bị đơn*: **Công ty TNHH MTV H2**; địa chỉ: Tầng B, số I đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn H1, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 22.02.2024, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện của nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Minh H trình bày*: Ngày 02 tháng 01 năm 2020, Công ty TNHH T1 (viết tắt Công ty T1) có ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu số 10/2020-HĐKT với Công ty TNHH MTV H2 (viết tắt Công ty H2). Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 15/8/2022, Công ty H2 đã nợ Công

ty TNHH T1 số tiền mua xăng dầu là: 672.052.040đ (Sáu trăm bảy mươi hai triệu không trăm năm hai ngàn không trăm bốn mươi đồng).

Do Công ty H2 không thanh toán theo cam kết tại hợp đồng đã ký nên Công ty T1 đã ngưng cung cấp xăng dầu và tiến hành thu hồi công nợ theo đúng quy định tại điều 2, điểm 5 hợp đồng trên.

Đến ngày 15/8/2022, cả hai bên tiến hành ký biên bản đối chiếu công nợ. Theo biên bản này Công ty H2 đã xác nhận tổng số tiền công nợ là 672.052.040đ và chịu trách nhiệm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận 6.5%/năm trên tổng công nợ.

Kể từ sau lập biên bản đối chiếu công nợ tháng 8/2022, Công ty H2 đã thanh toán được cho Công ty T1 với số tiền là 400.000.000đ, cụ thể như sau:

Ngày 17/10/2022: thanh toán 100.000.000đ

Ngày 08/11/2022: thanh toán 100.000.000đ

Ngày 12/12/2022: thanh toán 50.000.000đ

Ngày 27/3/2023: thanh toán 50.000.000đ

Ngày 25/5/2023: thanh toán 100.000.000đ

Công nợ còn lại: 272.052.040 đồng

Do Công ty H2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H2 phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 310.036.082đ. Trong đó, nợ gốc là: 272.052.040đ và tiền nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận là 37.984.042đ (tạm tính đến ngày 15.02.2024).

Trong quá trình Tòa án giải quyết, Công ty H2 đã chuyển khoản vào Công ty T1 02 đợt với tổng số tiền 172.000.000đ. Như vậy, Công ty H2 đã thanh toán cho Công ty T1 tổng công nợ là 572.000.000đ. Công nợ còn lại: 100.050.040 đồng và tiền nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán: 42.173.064 đồng. Tổng công nợ là 142.223.104 đồng (tạm tính đến ngày 19.06.2024). Nay tại phiên tòa hôm nay, Công ty T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H2 phải thanh toán tổng số tiền nợ mua xăng dầu theo hợp đồng mua bán xăng dầu số 10/2020-HĐKT ngày 02/01/2020 tạm tính đến ngày 19.06.2024 là 142.223.104đ (Một trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, một trăm lẻ bốn đồng), trong đó nợ gốc là 100.050.040đ, nợ lãi là 42.173.064đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

** Tại biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Công ty TNHH MTV H2 xác nhận có ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu số 10/2020-HĐKT ngày 02/01/2020 với Công ty TNHH T1 và cũng như quá trình thực hiện hợp đồng, đối chiếu công nợ giữa các bên là đúng như lời trình bày của đại diện Công ty TNHH T1.

Quá trình mua bán xăng dầu do tình hình tài chính của Công ty H2 gặp nhiều khó khăn nên không thể trả nợ theo đúng cam kết tại Hợp đồng và Biên bản đối chiếu công nợ tháng 8/2022 đã ký kết giữa các bên.

Tính đến ngày 03.4.2024, Công ty H2 xác nhận còn nợ Công ty T2 tổng số tiền 312.565.963đ, trong đó tiền nợ gốc là: 272.052.040đ và nợ lãi 40.513.923đ. Nay hoàn cảnh kinh doanh của công ty đang gặp nhiều khó khăn nên đề nghị Công ty T1 cho phương án trả dần, chia làm nhiều đợt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn – Công ty TNHH T1 khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn - Công ty TNHH T1 và thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết khi có tranh chấp thể hiện tại Hợp đồng mua bán xăng dầu số 10/2020-HĐKT ngày 02/01/2020 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn – Công ty H2 vẫn vắng không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt – bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Công ty H2 thanh toán số tiền mua xăng dầu là: 142.223.104đ (Một trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, một trăm lẻ bốn đồng), trong đó nợ gốc là 100.050.040đ, nợ lãi là 42.173.064đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ cũng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì có căn cứ để xác định Công ty H2, tính đến ngày 03.4.2024, còn nợ Công ty T1 số tiền mua bán xăng dầu là: 312.565.963đ, trong đó tiền nợ gốc là: 272.052.040đ và nợ lãi 40.513.923đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận, Công ty H2 đã thanh toán cho Công ty T1 02 lần với tổng số tiền là 172.000.000đ vào các ngày 05.4.2024 và 03.5.2024 thông qua hình thức chuyển khoản. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Công ty H2 thanh toán số tiền nợ gốc còn lại: 100.050.040đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy: Ngày 15.8.2024, hai bên đã ký biên bản đối chiếu xác nhận nợ và thỏa thuận mức lãi suất là 6.5%/năm. Tại phiên tòa hôm nay, diện diện theo ủy quyền nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 6,5% năm với số tiền nợ lãi là 42.173.064đ là có căn cứ, là phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại cũng như sự thỏa thuận về lãi suất của các hai bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty H2 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T1 tổng số tiền là 142.223.104đ (Một trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, một trăm lẻ bốn đồng).

Trong đó: - Tiền nợ: 100.050.040đ

- Tiền lãi: 42.173.064đ (tính đến ngày 19.06.2024) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí kinh doanh thương mại, Công ty H2 phải chịu số tiền là: 7.111.155đ (Bảy triệu, một trăm mười một nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH T1 số tiền tạm ứng án phí 7.750.902đ mà Công ty đã nộp tại biên lai thu số 0001270 ngày 07.03.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH MTV H2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T1 tổng số tiền: 142.223.104đ (Một trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, một trăm lẻ bốn đồng).

Trong đó: - Tiền nợ : 100.050.040đ

-Tiền lãi : 42.173.064đ (tính đến ngày 19.06.2024) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 7.111.155đ (Bảy triệu, một trăm mười một nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng) Công ty TNHH MTV H2 phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH T1 số tiền tạm ứng án phí 7.750.902 đồng mà Công ty đã nộp tại biên lai thu số 0001270 ngày 07.03.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án xử sơ thẩm bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ.